

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 96/2025/DS-PT
Ngày: 12/02/2025
V/v “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ái Đoan

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Tuyết Linh

Ông Trần Văn Đạt

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lưu Thị Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*
Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 585/2024/TLPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 318/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 676/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị Bạch T, sinh năm 1963 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số F N, khu phố I, phường B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Trần Quang V, sinh năm 1984 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp G, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Theo văn bản ủy quyền ngày 15/10/2024.

Bị đơn: Bùi Thị Trúc L, sinh năm 1996 (Có mặt);

Địa chỉ: Số D N, khu phố G, phường B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Võ Trọng K - Đoàn luật sư thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phan Thị M, sinh năm 1962 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số F N, khu phố I, phường B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn Bùi Thị Trúc L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị Bạch T trình bày: Từ chỗ quen biết giữa bà với chị L và bà M nên bà M có hỏi bà có tiền không cho chị L vay tạm 01 tháng, bà đồng ý và cho chị L vay tiền nhiều lần cụ thể:

- Ngày 05 tháng 8 năm 2022, vay 300.000.000 đồng;
- Ngày 10 tháng 8 năm 2022, vay 200.000.000 đồng;
- Ngày 15 tháng 8 năm 2022, vay 200.000.000 đồng.

Tổng cộng là 700.000.000 đồng. Lãi suất hai bên thỏa thuận trả lãi mỗi tháng là 1,66% và chưa nhận được tiền lãi.

Hai bên có làm biên nhận, chị L viết và ký tên.

Việc giao nhận tiền tại nhà bà M ở đường T gần karaoke Đ. Có bà M chứng kiến.

Ngay sau khi nhận đủ số tiền 700.000.000 đồng nêu trên cho đến nay, chị L không trả vốn và cũng không trả lãi cho bà.

Nay yêu cầu chị L trả cho bà tiền gốc là 700.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày nhận tiền đến nay với lãi suất 1,66%/ tháng. Giữ nguyên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Bị đơn bà Bùi Thị Trúc L trình bày:

Chị có nhận số tiền 700.000.000 đồng từ bà M đưa; bà M có nói với chị trong đó có 500.000.000 đồng là tiền của bà T; 200.000.000 đồng còn lại thì bà M không nói là của ai nhưng sau này chị mới biết là tiền của bà T.

Lúc nhận tiền thì chưa ghi biên nhận.

Nhận tiền xong khoảng 01 tháng thì chị, bà M, bà T gặp nhau thống nhất việc chị vay tiền của bà T và chị viết Giấy mượn tiền đưa bà T giữ.

Ngay sau khi viết Giấy mượn tiền thì cả 03 người đến gặp mẹ chị để chị xin tiền mẹ chị trả cho bà T nhưng mẹ chị không đồng ý.

Chị khẳng định Giấy mượn tiền mà bà T cung cấp cho Tòa án là do chị viết, chị ký.

Nay chị đồng ý trả cho bà T số tiền 300.000.000 đồng là hết nợ với các lý do sau:

- Trả lãi 130.000.000 đồng cho bà M. Trả bằng tiền mặt nên không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh;

- Chị vay tiền của bà M nhiều lần với số tiền rất lớn và ghi rất nhiều biên nhận nợ cho bà M nên số tiền vay từ bà T có thể đã được bà M khởi kiện để buộc chị trả trong vụ kiện do Thẩm phán Lê Thị H đã xét xử nên không thể một khoản vay trả 02 lần.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị M trình bày: Bà quen biết chị L vì chị L vay tiền của bà nhiều lần với số tiền hàng tỷ đồng. Chị L cần vay thêm tiền nên hỏi bà để vay nhưng bà không còn tiền, chị L nhờ bà hỏi chỗ bà T dùm. Khi bà hỏi thì bà T đồng ý, bà T cho chị L vay số tiền 700.000.000 đồng làm 03 lần cụ thể: Lần 1 vay 300.000.000 đồng, lần 2 vay 200.000.000 đồng và lần 3 vay 200.000.000 đồng. Thời hạn vay là 01 tháng với lãi suất là 1,66% tháng.

Bà là người chứng kiến việc bà T giao tiền cho chị L, không có việc bà giao tiền cho chị L như chị L trình bày.

Sau khi chị L nhận đủ 700.000.000 đồng thì bà, bà T và chị L có gặp nhau để thống nhất số tiền mà chị L đã vay của bà T, thống nhất xong chị L ghi biên nhận là Giấy mượn tiền rồi cả ba người đi gặp mẹ chị L là bà L1 hay còn gọi là bà Bảy T1 để chị L xin tiền trả cho bà T nhưng bà L1 không chịu.

Bà không có nhận số tiền 130.000.000 đồng tiền lãi mà chị L nói.

Việc chị L cho rằng số tiền 700.000.000 đồng này bà đã kiện chị L bằng vụ án khác là không đúng vì Thẩm phán H đã giải quyết việc chị L vay tiền của bà bằng bản án trong đó không liên quan gì đến khoản vay và biên nhận nợ này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 318/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 463, 465, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bạch T:

1. Buộc chị Bùi Thị Trúc L có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Bạch T số tiền 996.309.984 đồng (*Chín trăm chín mươi sáu triệu ba trăm lẻ chín nghìn chín trăm tám mươi bốn đồng*) cụ thể:

- Vốn: 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*);

- Tiền lãi: 296.309.984 đồng (*Hai trăm chín mươi sáu triệu ba trăm lẻ chín nghìn chín trăm tám mươi bốn đồng*) tiền lãi.

Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Lê Thị Bạch T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, hàng tháng chị Bùi Thị Trúc L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2024/QĐ-BPKCTT ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang cho đến khi thi hành án;

3. Kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật thì Quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm số 11/2024/QĐ-BPKCTT ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang bị hủy bỏ. Bà Lê Thị Bạch T được nhận lại chứng từ bảo lãnh là Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00026187173 ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Ngân hàng N chi nhánh thành phố G, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 02/10/2024, bị đơn Bùi Thị Trúc L có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

o Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Bùi Thị Trúc L phát biểu quan điểm: Biên nhận ngày 15/8/2022 chị L là chị L viết cho bà T để chị L xin tiền mẹ chị L trả nợ cho bà M chứ chị L không có nhận tiền của bà T, Tòa sơ thẩm chưa làm rõ vấn đề này mà chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là chưa có cơ sở vững chắc. Tiền lãi trong biên nhận không có ghi, phía bà T cho rằng cho vay 3%, phía chị L cho rằng cho vay 10% đến 20% như vậy là có tranh chấp về lãi suất. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Nếu trường hợp chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T thì đề nghị áp dụng lãi suất 0,83%/tháng.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo Bùi Thị Trúc L: Tòa án cấp sơ thẩm xử là có căn cứ pháp luật, chị L kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ

gì mới để chứng minh, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bùi Thị Trúc L, giữ nguyên án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của Bùi Thị Trúc L, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo ngày 02/10/2024 của Bùi Thị Trúc L trong thời hạn quy định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án và xét yêu cầu kháng cáo của chị Bùi Thị Trúc L:

Bà Lê Thị Bạch T kiện yêu cầu chị Bùi Thị Trúc L trả số tiền vay là 700.000.000 đồng và tiền lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày vay tiền (ngày 05/8/2022 vay 300.000.000 đồng; ngày 10/8/2022 vay 200.000.000 đồng; ngày 15/8/2022 vay 200.000.000 đồng) đến khi xét xử sơ thẩm. Căn cứ bà T chứng minh là giấy mượn tiền.

Chị L thừa nhận chị là người viết và ký giấy mượn tiền nhưng chị nhận tiền từ bà M, nhận xong tiền khoảng 01 tháng rồi mới viết giấy mượn tiền cho bà T. Chị L có trả lãi cho bà M được 130.000.000 đồng. Chị mượn nhiều tiền của bà M và có thể chị đã trả trong vụ án khác do bà M kiện. Chị đồng ý trả bà T số tiền là 300.000.000 đồng.

Bà M trình bày, bà có hỏi bà T để bà T cho chị L vay số tiền 700.000.000 đồng, bà không có nhận tiền lãi 130.000.000 đồng của chị L.

Tòa sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, chị L không đồng ý nên có đơn kháng cáo.

Xét thấy, bà T căn cứ giấy mượn tiền có nội dung: “Bùi Thị Trúc L...có mượn của cô Lê Thị Bạch T tổng số tiền là 700.000.000 đồng là 3 lần lấy, lần 1: 5/8/2022 có nhận 300.000.000 đồng; Lần 2: 10/8/2022 có nhận 200.000.000 đồng; Lần 3: 15/8/2022 có nhận 200.000.000 đồng. Cho mượn trong hạn 1 tháng...”. Biên nhận do chị L viết và ký tên nhưng chị cho rằng chị nhận tiền của bà M và có trả cho bà M số tiền lãi là 130.000.000 đồng nhưng sự việc này không được phía bà M thừa nhận, chị L cũng không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của chị do đó không có cơ sở để chấp nhận.

Ngoài ra, chị L cho rằng số tiền này có thể chị đã trả cho bà M trong vụ án bà M kiện bà L nhưng không được phía bà M thừa nhận. Tòa án cấp phúc thẩm cũng đã trích lục toàn bộ hồ sơ vụ án tranh chấp hợp đồng vay giữa bà M và chị L nhưng hồ sơ này cũng không có chứng cứ chứng minh số tiền bà T kiện chị L đã được giải quyết bằng vụ án bà M kiện chị L.

Tòa sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ pháp luật.

Chị L kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Xét quan điểm của luật sư là trái với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị Trúc L phải chịu 41.889.299 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 293, khoản 1 Điều 308, Điều 313, và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Bùi Thị Trúc L.

- Giữ nguyên Bản án bản án dân sự sơ thẩm số 318/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ các Điều 463, 465, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bạch T.

- Buộc chị Bùi Thị Trúc L có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Bạch T số tiền 996.309.984 đồng (*Chín trăm chín mươi sáu triệu ba trăm lẻ chín nghìn chín trăm tám mươi bốn đồng*) cụ thể:

- Vốn: 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*);

- Tiền lãi: 296.309.984 đồng (*Hai trăm chín mươi sáu triệu ba trăm lẻ chín nghìn chín trăm tám mươi bốn đồng*) tiền lãi.

Kể từ ngày bà Lê Thị Bạch T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, hàng tháng chị Bùi Thị Trúc L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2024/QĐ-BPKCTT ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang cho đến khi thi hành án;

3. Kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật thì Quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm số 11/2024/QĐ-BPKCTT ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang bị hủy bỏ. Bà Lê Thị Bạch T được nhận lại chứng từ bảo lãnh là Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00026187173 ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Ngân hàng N chi nhánh thành phố G, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị Trúc L phải chịu 41.889.299 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000968 ngày 02/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Gò Công nên phải nộp tiếp số tiền là 41.889.299 đồng.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND TP Gò Công, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS TP Gò Công, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ái Đoan

